TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2023/QĐST-HNGĐ	*Giồng Trôm, ngày 13 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Bé D**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Kim Trường S** – Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Anh **Hữu P**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà **Phạm Thị P1**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Bé D và anh Hữu P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Võ Thị Bé D và anh Hữu P có 02 con chung tên Hữu Thị Hoài C, sinh ngày 27/02/2015 và Hữu Hoài B, sinh ngày 07/02/2013. Sau khi ly hôn, chị Võ Thị Bé D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, ghi nhận chị Võ Thị Bé D không yêu cầu anh Hữu P cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh Hữu P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Bé D và anh Hữu P đều khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị Bé D và anh Hữu P có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị P1 số nợ mua thức ăn chăn nuôi là 193.627.000 (một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn) đồng, trong đó chị Võ Thị Bé D có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị P1 số nợ là 96.813.500 (chín mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm) đồng, anh Hữu P có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị P1 số nợ là 96.813.500 (chín mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm) đồng. Chị Võ Thị Bé D và anh Hữu P thanh toán dần số nợ trên cho bà Phạm Thị P1 vào ngày 10 hàng tháng, mỗi tháng thanh toán 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi hết số nợ trên. Ghi nhận bà Phạm Thị P1 không yêu cầu tính lãi đối với số nợ trên.

Ngoài ra, chị Võ Thị Bé D và anh Hữu P đều khai không còn khoản nợ chung nào khác nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được giảm 50% là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.420.500 (hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng do chị Võ Thị Bé D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003094 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị Võ Thị Bé D còn phải nộp tiếp án phí là 2.270.500 (hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.420.500 (hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng do anh Hữu P phải nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Phạm Thị P1 số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 4.841.000 (bốn triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003248 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến